

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HSST
Ngày: 06/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phương Văn Chnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn V Thạnh.

2. Ông Trần Sĩ Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Loan – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 06 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2018/HSST ngày 12/7/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-HS ngày 25/7/2018 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Tiên QV, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu: thôn BM, xã PH, huyện BB, tỉnh BT.

Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Chăm; Tôn giáo: Bani; Con ông Nguyễn K (sống) và bà Tiên Thị N (sống); Anh chị em: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1989. Bản thân chưa vợ con.

Tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/4/2018.

2. Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký hộ khẩu: thôn BM, xã PH, huyện BB, tỉnh BT.

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 03/12; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Chăm; Tôn giáo: Bani; Con ông Nguyễn K (sống) và bà Tiền Thị N (sống); Anh chị em: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1992. Chồng Đỗ VL; con có 02 người nhỏ sinh năm 2013, lớn sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/4/2018.

3. Nguyễn Tiên V Q, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu: thôn BM, xã PH, huyện BB, tỉnh BT.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Chăm; Tôn giáo: Bani; Con ông Nguyễn K (sống) và bà Tiền Thị N (sống); Anh chị em: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1992. Bản thân chưa vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/4/2018.

4. Thổ Hy V, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký hộ khẩu: thôn BM, xã PH, huyện BB, tỉnh BT.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 02/12; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Chăm; Tôn giáo: Bani; Con ông Thổ Tân L (sống) và bà Tiền Thị Tân LC (sống); Anh chị em: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2004. Vợ Đặng Thị TH, sinh năm 1993.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/4/2018.

5. **Thổ Anh Ng**, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký hộ khẩu: thôn BM, xã PH, huyện BB, tỉnh BT.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam;
 Dân tộc: Chăm; Tôn giáo: Bani; Con ông Thổ Tân L (sống) và bà Tiền Thị Tân LC (sống); Anh chị em: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 2004. Bản thân chưa vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/4/2018.

6. **Thổ Minh Ch**, sinh năm 1997.

Nơi đăng ký hộ khẩu: thôn BH, xã PH, huyện BB, tỉnh BT.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam;
 Dân tộc: Chăm; Tôn giáo: Bani; Con ông Thổ Hữu V (sống) và bà Úc Thị Minh M (sống); Anh chị em: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2001. Bản thân chưa vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/4/2018.

(các bị cáo có mặt tại tòa)

Bào chữa cho các bị cáo: Luật sư **Võ Thanh T** – Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

- *Người bị hại:*

1. Anh **Ngô Hồng M**, sinh năm 1989.

ĐKTT: AA, KP4, phường BC, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Anh **Ngô Hồng S**, sinh năm 1982.

ĐKTT: AA, KP4, phường BC, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh **Phương Kỳ H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp Thới Bình A, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

2/ Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực TB, phường TL, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

3/ Anh **Chung Anh T**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực V, phường CVL, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

4/ Chị **Phạm Ngọc TH**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực 13, phường CVL, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

5/ Chị **Trần Thị Diệu M**, sinh năm 1994

Địa chỉ: KP A, thị trấn VX, huyện ĐL, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2017 anh Ngô Hồng M và anh Ngô Hồng S là anh em ruột cùng cư trú số AA, KP A, phường BC, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh có mượn tiền của Nguyễn Tiên QV nhưng không có khả năng chi trả cho V nên đến ngày 04/4/2018 anh Minh và anh Sơn bỏ đi khỏi nơi cư trú, đến khu vực 12, phường CVL, quận Ô Môn thuê nhà trọ của chị Phạm Ngọc TH ở để trốn nợ và mở tiệm hớt tóc tên Anh Em. Đến ngày 08/4/2018 Nguyễn Thị Tuyết V (là chị ruột của Nguyễn Tiên QV) theo đoàn đi cúng chùa, khi đoàn đi đến đoạn đường Tôn Đức Thắng thuộc khu vực 12, phường CVL, quận Ô Môn thì V thấy anh Sơn và anh Minh đang ở tiệm hớt tóc tên Anh Em, do biết anh Sơn, anh Minh thiếu nợ V với số tiền lớn và trong số tiền đó có tiền của V nên V điện cho V biết thì V kêu V ở lại theo dõi anh Sơn, anh Minh chờ V xuống đòi nợ. Trong LC chờ V cùng đồng bọn xuống thì V nhờ một người tên Thảo (không biết rõ họ tên) ở khu vực 12, phường CVL mua giùm khoảng 08 mét dây dù, sau khi mua dây về thì V cắt ra làm 06 đoạn, mỗi đoạn dài hơn 01 mét mục đích là chuẩn bị cho việc bắt anh Sơn, anh Minh. Sau khi nghe điện thoại của V thì V rủ Nguyễn Tiên V Q (anh ruột của V), Thổ Hy V, Thổ Minh Tr, Thổ Anh Ng đi đến quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ gặp Sơn, Minh đòi nợ thì cả bọn đồng ý và đi chung trên 03 xe mô tô biển số: 86B2-365.32 của Thổ Minh Ch, 86B2-331.16 của Nguyễn Tiên QV, 86B8-357.87 của Trần Thị Diễm M (xe này là do V mượn của My). Đến khoảng 16 giờ cùng ngày V cùng Q, Ng, Ch, V đến gặp V tại Bến xe quận Ô Môn. Khi đến nơi V cùng V, V thuê xe taxi để kiểm tra xem có đúng anh Minh, anh Sơn có ở tiệm hớt tóc Anh Em thuộc khu vực 12, phường CVL,

quận Ô Môn hay không rồi quay lại bến xe quận Ô Môn. Sau đó, V thuê anh Phương Kỳ H là người chạy xe honda chở khách với giá 300.000 đồng đến tiệm hớt tóc và hỏi xem có đúng anh Sơn và anh Minh ở tiệm hớt tóc Anh Em không, trong nhà có bao nhiêu người còn cả nhóm đi đến quán cà phê Đăng Minh thuộc khu vực 11, phường CVL, quận Ô Môn để nghỉ ngơi và chờ anh Hôn về báo kết quả. Khi anh Hôn về thông báo cho V biết đúng là anh Sơn, anh Minh có ở tiệm hớt tóc Anh Em và chỉ có 02 người thì V để túi nilong màu đen có để sẵn 06 đoạn dây dù bên trong bên trên bàn và nói đã mua dây dù sẵn nên V mới nói với cả nhóm khi đến phòng trọ gặp anh Sơn và anh Minh sẽ dùng dây dù không chề, bắt trói lại không để chống cự hay bỏ chạy mục đích là để yêu cầu anh Sơn, anh Minh trả nợ. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cả nhóm quay lại Bến xe Ô Môn để gửi lại xe máy, V tiếp tục thuê anh Hôn chở V đi, nhóm còn lại của V thì thuê taxi 07 chỗ biển số 65A-V7.18 do anh Lê Văn T chở đi, ngoài ra V còn nhờ anh Hôn kêu thêm 02 người xe ôm nữa là anh Chung Anh T và anh Nguyễn Trí Thức đi cùng. Khi nhóm V lên xe taxi chuẩn bị đi thì V đưa cho nhóm V túi nilong màu đen có để sẵn 06 đoạn dây dù bên trong và nói giữ để đến gặp Sơn, Minh trói lại. Sau đó anh Hôn điều khiển xe chở V đi trước cùng anh T và anh Thức, nhóm của V thì ngồi trên xe taxi 7 chỗ đi sau. Khi đến nhà trọ của anh Sơn, anh Minh ở thì V nhờ anh T gõ cửa kêu giùm, khi anh Minh vừa mở cửa thì V chạy vô ôm cổ, không chề đê anh Minh nằm xuống đất, LC này, V nói “lấy dây trói tụi nó lại” rồi V, Q, V, Ch, Ng cũng nhào vô trong phòng và đóng cửa lại để không cho anh ra vào, còn V thì đứng ở ngoài, sau khi xong vô phòng thì V không chề anh Minh còn V phụ dùng dây dù trói tay, chân anh Minh lại, cùng LC này anh Sơn dưới nhà đi lên thì bị Ch, Ng, Qôm không chề giữ lại là dùng dây dù trói hai tay, hai chân lại. Sau đó, chị Thê đến trình báo Công an phường thì lực lượng Công an phường CVL tiến hành đến hiện trường và yêu cầu nhóm của V mở cửa ra thì thấy anh Sơn và anh Minh đang bị trói hai tay và chân lại nên tiến hành lập biên bản bắt quả tang V, V, Q, Ch, Ng, V về hành vi bắt người trái pháp luật và yêu cầu đối tượng cởi trói cho anh Sơn, anh Minh, đồng thời thu giữ toàn bộ tang vật.

Tại cơ quan công an V, V, Q, Ch, Ng, V thừa nhận do Sơn, Minh nợ tiền của V và trốn nợ nên khi phát hiện Sơn và Minh ở phường CVL, quận Ô Môn nên đã bàn bạc dùng dây dù do V mua để thực hiện toàn bộ hành vi bắt trói anh Sơn, anh Minh lại với mục đích là để không chề không cho chống cự hay bỏ chạy để yêu cầu trả số tiền nợ cho V và hành vi các bị can đã bị lực lượng Công an phường CVL bắt quả tang, đồng thời thu giữ toàn bộ tang vật có liên quan.

Trong quá trình điều tra anh Ngô Hồng M, anh Ngô Hồng S thừa nhận có quen biết với V nên Minh và Sơn mới mượn tiền V để cho người khác vay lại để lấy lãi và trả nợ xoay vòng cho ngân hàng cho người khác. Do làm ăn thua lỗ nên Sơn và Minh không có khả năng trả nợ và sợ những người cho vay lãi nặng đến đòi nợ nên Sơn đã cùng Minh bỏ đi khỏi ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, đến thuê nhà trọ của chị Phạm Ngọc TH ở để trốn nợ thì bị Nguyễn Tiền QV, Nguyễn Thị Tuyết V, Nguyễn Tiền V Q, Thổ Hy V, Thổ Minh Ch, Thổ Anh Ng phát hiện bắt trói.

Đối với Chung Anh T, Nguyễn Trí Thức, Phương Kỳ H và Lê Văn T không biết nhóm của V bàn bạc sắp xếp để bắt trói Sơn, Minh để đòi nợ nên không có căn cứ xử lý.

Các bị can Nguyễn Tiền QV, Nguyễn Thị Tuyết V, Nguyễn Tiền V Q, Thổ Hy V, Thổ Minh Ch, Thổ Minh Ng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”.

Vật chứng thu giữ:

- Tiền Việt Nam: 19.511.000 đồng (M Chn triệu năm trăm M một nghìn đồng).

- 01 điện thoại di động hiệu apple loại Iphone 5S, số IMEI: 352049060911717, bị nứt màn hình phía trước, bên trong có 01 sim Mobifone số seri 8401-1610-5123-9740-OT.

- 01 điện thoại di động Samsung màu đen (loại phím), số IMEI: 359831/06/958112/7, bên trong có 01 sim Viettel số seri 8984-0488-3100-6713-844.

-01 điện thoại di động Samsung galaxy J7 prime, màu vàng nhạt mặt sau, mặt trước màu trắng, loại cảm ứng, số IMEI: 353415081423637, số IMEI 2: 353416081423635, bên trong có 01 sim Mobifone số seri 8401-1610-5136-5787 và 01 sim Viettel số seri 8984-04800-88113-32096.

- 01 điện thoại di động Iphone 5 màu đen xám, số IMEI: 358758V2138618 bên trong có 01 sim Vinaphone số seri 89840-20002-16562-60624.

- 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng, số IMEI: 358684V9426675, bên trong có 01 sim Vinaphone số seri 8984-0488-5100-1178-584.

- 01 điện thoại di động Iphone màu đỏ đen, loại bàn phím, số IMEI: 357934064121634, bên trong máy có 01 sim Vietnamobile số seri 89840-5V15-14116-12900.

- 01 điện thoại di động Iphone 4 màu đen, số IMEI: 012423001128172, bên trong máy có 01 sim Vietnamobi số seri 8984VV17-1432836635.

- 01 sợi dây dù màu xanh, loại đẹp có chiều dài 1m27, đã qua sử dụng.

- 01 sợi dây dù màu xanh, loại đẹp có chiều dài 1m22, đã qua sử dụng.

- 01 sợi dây dù màu xanh, loại đẹp có chiều dài 1m30, đã qua sử dụng.

- 01 sợi dây dù màu xanh, loại đẹp có chiều dài 1m32, đã qua sử dụng.

- 01 sợi dây dù màu xanh, loại đẹp có chiều dài 1m50, đã qua sử dụng.

- 01 sợi dây dù màu xanh, loại đẹp có chiều dài 1m25, đã qua sử dụng.

- 01 xe mô tô hiệu YAMAHA loại Exciter, biển số: 86B2-356.32, màu sơn đỏ-đen, dung tích 149cc, số máy: G3D4B484383, số khung: C820HY019411.-

-01 xe mô tô hiệu YAMAHA loại Janus, biển số: 86B8-357.87, màu sơn đen, dung tích 125cc, số máy: E3Y8E019418, số khung: C820HY019411.

- 01 xe mô tô hiệu HONDA loại JF511 SH mode, biển số: 86B2-331.16, màu sơn đỏ-đen, dung tích xi lanh: 124,9cc, số máy: JF11E0427132, số khung: 5118FY123966.

Về trách nhiệm dân sự: Hiện anh Ngô Hồng M và anh Ngô Hồng S không có yêu cầu

Tại bản Cáo trạng số 44/CT-VKS-OM ngày 12 tháng 7 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn đã truy tố Nguyễn Tiên QV, Nguyễn Thị Tuyết V, Nguyễn Tiên V Q, Thổ Hy V, Thổ Minh Ch, Thổ Anh Ng về tội “*Bắt người trái pháp luật*” theo Khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn trình bày lời luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Tiên QV, Nguyễn Thị Tuyết V, Nguyễn Tiên V Q, Thổ Hy V, Thổ Minh Ch, Thổ Anh Ng theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đồng thời phân tích những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm đ, khoản 2 Điều 157; điểm h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo Nguyễn Tiên QV, Nguyễn Tiên V Q, Thổ Hy V, Thổ Minh Ch, Thổ Anh Ng mức án phạt tù 02 năm đến 03 năm tù.

Riêng đối với bị cáo Nguyễn Thị Tuyết V do hoàn cảnh đặc biệt bị cáo là người bị bệnh ung thư, đồng thời là lao động Chnh trực tiếp nuôi 02 con nhỏ, một người con đang bị bệnh. Do đó, không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội chỉ cần giao bị cáo cho UBND nơi bị cáo sinh sống để giáo dục bị cáo cũng đủ răn đe.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, khoản 2 Điều 157; điểm h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự tuyên xử bị cáo V mức án tù 02 năm đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 04 đến V năm.

Về vật chứng trong vụ án: Đề nghị xử lý trả lại cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Ngô Hồng M và anh Ngô Hồng S không có yêu cầu. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Luật sư T trình bày bào chữa cho các bị cáo: Thống nhất với tội danh Viện kiểm sát truy tố. Thống nhất hình phạt đối với bị cáo V.

Tuy nhiên, về hình phạt đối với các bị cáo V, Q, V, Ng, Ch là quá nghiêm khắc. Trong vụ án này các bị hại có nợ các bị cáo một số tiền rất lớn, các bị hại đã trốn khỏi địa phương do không có khả năng trả nợ, các bị cáo bức xúc nên có hành động vi phạm pháp luật dùng dây dù bắt trói các bị hại, trước khi các bị cáo đến nhà trọ bắt trói Minh, Sơn thì bị cáo V có nhờ anh Phương Kỳ H là người chạy xe ôm đến Công an phường CVL trình báo nhưng vì hết giờ làm việc nên bị cáo V đến không gặp ai và các bị cáo còn lại mới có hành vi dùng dây trói anh Minh và anh Sơn.

Sau khi xảy ra sự việc Công an điều tra quận Ô Môn có đến địa phương các bị cáo để xác minh thì các bị cáo là những người lương thiện làm ăn chân Chnh không phải là những đối tượng cho vay nặng lãi. Đồng thời, các bị cáo là những người lao động Chnh trong gia đình, các bị cáo có nơi sinh sống ổn định.

Số tiền bị cáo V cho bị hại Minh, Sơn mượn là tiền của bị cáo V và bị cáo V mượn những người thân trong gia đình cho V lên thành phố Hồ Chí Minh làm ăn nhưng chưa cần dùng đến thì V cho Minh, Sơn mượn đến thời hạn trả thì Minh, Sơn đã bỏ trốn không trả cho V. Từ đó V bị kích động tinh thần nên khi phát hiện Minh và Sơn thì V có hành vi phạm tội.

Do đó, ngoài những tình tiết Kiểm sát viên đề nghị thì luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm e khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên xử cho các bị cáo V, Q, V, Ng, Ch được hưởng án treo để tạo cơ hội cho các bị cáo có điều kiện lao động nuôi gia đình.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho các chủ sở hữu những tài sản bị tạm giữ.

- Các bị cáo Nguyễn Tiền QV, Nguyễn Thị Tuyết V, Nguyễn Tiền V Q, Thổ Hy V, Thổ Minh Ch, Thổ Anh Ng thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Đồng thời, các bị cáo xin được hưởng án treo để có cơ hội làm lại người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng hình sự*: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn T, Chung Anh T, Phạm Ngọc TH vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, việc vắng mặt những người này không liên quan đến việc giải quyết vụ án. Nên căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xét xử vắng mặt những người này.

[2] *Về căn cứ buộc tội*: Lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Tiền QV, Nguyễn Thị Tuyết V, Nguyễn Tiền V Q, Thổ Hy V, Thổ Minh Ch, Thổ Anh Ng tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và vật chứng thu giữ được. Từ đó, có đủ cơ sở chứng minh vào ngày 08/04/2018 Nguyễn Tiền QV, Nguyễn Thị Tuyết V, Nguyễn Tiền V Q, Thổ Hy V, Thổ Minh Ch, Thổ Anh Ng đã thực hiện hành vi bắt người trái pháp luật.

Động cơ phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo vì bức xúc khi phía bị hại là anh Sơn và anh Minh nợ tiền của bị cáo V gần 1 tỷ đồng không trả nên anh Sơn, anh Minh bỏ địa phương từ thành phố Hồ Chí Minh đến Cần Thơ sinh sống nhằm trốn nợ. Giữa bị cáo V và bị hại anh Minh anh Sơn là bạn cùng làm chung công ty, số tiền V cho Minh và Sơn mượn là tiền của V dành

dụm và V mượn những người thân trong gia đình trong đó có tiền của bị cáo V và bị cáo Q. Mục đích các bị cáo trói anh Sơn và anh Minh nhằm tránh trường hợp anh Sơn và anh Minh bỏ chạy hoặc có xảy ra việc xô xát không đáng có để nói chuyện với nhau về việc giải quyết nợ nần riêng tư từ trước đó, vấn đề này được thể hiện khi các bị cáo bắt trói Sơn và Minh thì các bên chỉ trao đổi với nhau bằng lời nói không xảy ra xung đột nào khác.

Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền tự do, dân chủ của công dân. Mọi người đều có quyền bình đẳng, quyền tự do mà không ai có quyền xâm phạm đến, các bị cáo V, V, Q, V, Ch, Ng có hành vi dùng dây trói anh Sơn và anh Minh. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức hành vi, các bị cáo biết rõ việc bắt trói người là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn truy tố các bị cáo Nguyễn Tiền QV, Nguyễn Thị Tuyết V, Nguyễn Tiền V Q, Thổ Hy V, Thổ Minh Ch, Thổ Anh Ng phạm tội theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 là có căn cứ và đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo Nguyễn Tiền QV, Nguyễn Thị Tuyết V, Nguyễn Tiền V Q, Thổ Hy V, Thổ Minh Ch, Thổ Anh Ng không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đồng thời các bị cáo khi bắt trói bị hại thì không có hành vi đe dọa hay đánh đập gây tổn thất gì cho bị hại nên Hội đồng xét xử có xem xét đến tình tiết này để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo là những người dân tộc thiểu số nên có phần nào hạn chế về nhận thức pháp luật. Hơn nữa, người bị hại là anh Sơn và anh Minh có đơn bãi nại và không yêu cầu truy tố các bị cáo cho nên được xem là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự như lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

Xét lời đề nghị của luật sư đề nghị áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, khi các bị cáo đến địa phận bến xe quận Ô Môn thì các bị cáo có thời gian ngồi quán cà phê uống nước, có thời gian thuê xe ôm đến tiệm hớt tóc thăm dò có phải là Sơn với Minh hay không. Như vậy, đủ thấy tinh thần của các bị cáo còn minh mẫn, không hề bị kích động. Do đó, lời đề nghị áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự của luật sư là không có cơ sở để chấp nhận.

Để có tác dụng giáo dục răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội cần có một mức án nghiêm khắc, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để các bị cáo có thời gian ăn năn, hối cải về hành vi sai trái của mình, để từ đó biết sửa đổi bản thân, sống đặt mình trong khuôn khổ của pháp luật. Tuy nhiên, mức độ phạm tội của các bị cáo là như nhau, các bị cáo dùng số đông để nhằm chấn áp và trói các bị hại.

Riêng đối với bị cáo Nguyễn Thị Tuyết V có nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Đồng thời, bị cáo là người lao động duy nhất để nuôi 02 người con còn nhỏ, một người sinh năm 2013 một người sinh năm 2008. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho Chnh quyền địa phương quản lý giáo dục bị cáo nhằm tạo điều kiện cho bị cáo nuôi 02 con có như vậy bị cáo mới thấy được sự nhân đạo của pháp luật, đồng thời cũng đủ răn đe bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Như đề nghị của kiểm sát viên là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Ngô Hồng M và anh Ngô Hồng S không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Tiền QV, Nguyễn Thị Tuyết V, Nguyễn Tiền V Q, Thổ Hy V, Thổ Minh Ch, Thổ Anh Ng** phạm tội “*Bắt người trái pháp luật*”.

Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự, điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Tiền QV** 02 (hai) năm tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 08/4/2018.

Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự, điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Tiền V Q** 02 (hai) năm tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 08/4/2018.

Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự, điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Thổ Hy V** 02 (hai) năm tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 08/4/2018.

Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự, điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Thổ Minh Ch** 02 (hai) năm tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 08/4/2018.

Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự, điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Thổ Anh Ng** 02 (hai) năm tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 08/4/2018.

Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự, điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Thị Tuyết V** 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 04 (bốn) năm.

Giao bị cáo cho gia đình và Ủy ban nhân dân xã PH, huyện BB, tỉnh BT quản lý giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 sợi dây dù màu xanh, loại đẹp có chiều dài 1m27, đã qua sử dụng.
- 01 sợi dây dù màu xanh, loại đẹp có chiều dài 1m22, đã qua sử dụng.
- 01 sợi dây dù màu xanh, loại đẹp có chiều dài 1m30, đã qua sử dụng.
- 01 sợi dây dù màu xanh, loại đẹp có chiều dài 1m32, đã qua sử dụng.
- 01 sợi dây dù màu xanh, loại đẹp có chiều dài 1m50, đã qua sử dụng.
- 01 sợi dây dù màu xanh, loại đẹp có chiều dài 1m25, đã qua sử dụng.

Trả lại cho Nguyễn Thị Tuyết V:

- Tiền Việt Nam: 14.767.000 đồng (M bốn triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Trả lại cho Nguyễn Tiền QV:

- 01 điện thoại di động Samsung galaxy J7 prime, màu vàng nhạt mặt sau, mặt trước màu trắng, loại cảm ứng, số IMEI: 353415081423637, số IMEI 2: 353416081423635, bên trong có 01 sim Mobifone số seri 8401-1610-5136-5787 và 01 sim Viettel số seri 8984-04800-88113-32096.

- 01 điện thoại di động Iphone 5 màu đen xám, số IMEI: 358758V2138618 bên trong có 01 sim Vinaphone số seri 89840-20002-16562-60624.

- 01 xe mô tô hiệu HONDA loại JF511 SH mode, biển số: 86B2-331.16, màu sơn đỏ-đen, dung tích xi lanh: 124,9cc, số máy: JF11E0427132, số khung: 5118FY123966.

Trả lại cho Nguyễn Tiền V Q:

- Tiền Việt Nam: 2.727.000 đồng (hai triệu bảy trăm hai M bảy nghìn đồng).

- 01 điện thoại di động hiệu apple loại Iphone 5S, số IMEI: 352049060911717, bị nứt màn hình phía trước, bên trong có 01 sim Mobifone số seri 8401-1610-5123-9740-OT.

- 01 điện thoại di động Samsung màu đen (loại phím), số IMEI: 359831/06/958112/7, bên trong có 01 sim Viettel số seri 8984-0488-3100-6713-844.

Trả lại cho Thổ Hy V:

- 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng, số IMEI: 358684V9426675, bên trong có 01 sim Vinaphone số seri 8984-0488-5100-1178-584.

Trả lại cho Thổ Anh Ng:

- Tiền Việt Nam: 2.017.000 đồng (hai triệu không trăm M bảy nghìn đồng).

- 01 điện thoại di động Iphone 4 màu đen, số IMEI: 012423001128172, bên trong máy có 01 sim Vietnamobi số seri 8984VV17-1432836635.

Trả lại cho Thổ Minh Ch:

- 01 điện thoại di động Iphone màu đỏ đen, loại bàn phím, số IMEI: 357934064121634, bên trong máy có 01 sim Vietnamobile số seri 89840-5V15-14116-12900.

- 01 xe mô tô hiệu YAMAHA loại Exciter, biển số: 86B2-356.32, màu sơn đỏ-đen, dung tích 149cc, số máy: G3D4B484383, số khung: C820HY019411.

Trả lại cho Trần Thị Diệu M:

- 01 xe mô tô hiệu YAMAHA loại Janus, biển số: 86B8-357.87, màu sơn đen, dung tích 125cc, số máy: E3Y8E019418, số khung: C820HY019411.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Tiên QV, Nguyễn Thị Tuyết V, Nguyễn Tiên V Q, Thổ Hy V, Thổ Minh Ch, Thổ Anh Ng mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- CA Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phương Văn Chính